

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-ST

Ngày: 29/7/2022

“V/v tranh chấp hội”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị L có mặt; bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày:

Chị có tham gia 01 dây hội do bà Trần Thị T làm chủ hội, cụ thể như sau Hội 500.000 đồng/phần, mở ngày 10/4/2017 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, có 28 phần, chị tham gia 01 phần, chị góp hội được 25 lần với số tiền là 12.500.000 đồng thì bà T ngưng không thu hội của hội viên nữa. Sau đó, bà T có viết cho chị tờ giấy tập học sinh nội dung:

L

Hội 10-500.000 TC 28P

Chết 25 x 500.000 = 12.500.000

T gửi 22-3-2019: 500.000đ

Có nghĩa là: Ngoài thông tin về hui mà chị L nêu trên thì ngày 22/3/2019 bà T có gửi lại cho chị L 500.000 đồng. Như vậy, bà T còn thiếu chị L 12.000.000 đồng. Bà T hứa trả nhưng đã lâu không thấy trả lại chị L. Do đó, chị L yêu cầu bà T trả số tiền nợ hui là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà T đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của bà T, bà T cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối, không đưa các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị L số tiền 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Trương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả tiền nợ từ việc các bên chơi hui với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hui.

[1.2] Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án, hiện cư trú tại ấp 2B, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[1.3] Bà Trần Thị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 12.000.000 đồng. Chứng cứ của chị L khởi kiện là tờ giấy tập học sinh (như phần chị L trình bày ở trên), chị L cho rằng tờ giấy này do bà T viết để chốt lại số tiền còn nợ chị L khi bà T nghỉ tổ chức hui, số tiền này bà T có hứa trả dần cho chị L nhưng đến nay đã lâu không thấy bà T trả, chị L cũng có đòi nhiều

lần không được nên chị L khởi kiện. Tòa án đã tiến hành xác minh được một số thông tin sau: Ở ấp 2B, xã Thạnh Phú Đông chỉ có 01 người tên Trần Thị T, sinh năm 1976 tổ chức hội cho bà con, hàng xóm gần đó tham gia, bà T tổ chức được một thời gian rồi ngưng; bà Trần Thị Ánh, bà Nguyễn Thị Định là những người gần nhà bà T xác nhận mẹ chị L (bà Trần Thị Hiền) và chị L có chơi hội do bà T tổ chức; khi nghỉ hội, bà T cũng có viết cho hội viên tờ giấy, chữ trong tờ giấy tập mà chị L dùng làm chứng cứ khởi kiện bà T là chữ của bà T. Do đó, lời trình bày của chị L phù hợp với giấy tay ghi tiền hội do chị L cung cấp và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị L và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T. Tuy nhiên, bà T đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị L, coi như bà T mặc nhiên thừa nhận nợ còn thiếu chị L. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bà T còn nợ chị L số tiền hội là 12.000.000 đồng. Việc bà T nghỉ hội nhưng không trả tiền cho chị L làm ảnh hưởng quyền lợi của chị L nên Hội đồng xét xử buộc bà T trả nợ cho chị L số tiền nợ như trên là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do chị L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000 đồng (12.000.000 đồng x 5% = 600.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị L số tiền nợ hội là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

Chị Trương Thị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007228 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Ngọc Ánh